

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST.

Ngày 21 - 9 -2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Việt

Ông Diệp Hồng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Trần Đại H; Sinh năm: 1973. Địa chỉ đăng ký TT: đường DX, Khu đô thị Y, phường X, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ tạm trú: khóm Tr, phường Kh, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng – Là chủ hộ kinh doanh Trường H tại địa chỉ: ấp M, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Trần Đại H: Bà Nguyễn Minh Th, sinh năm: 1995. Địa chỉ ĐKTT: ấp Tr, xã Tr, huyện Ch, tỉnh Hậu Giang. Địa chỉ liên hệ: khóm Tr, phường Kh, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/5/2021) (*Có mặt*).

* Đồng bị đơn: 1. Huỳnh Quốc Kh; Sinh năm: 1970. Địa chỉ: Ấp M, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

2. Lý Thị Mỹ L; Sinh năm: 1980. Địa chỉ: Ấp M, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 6 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Minh Th trình bày:

Năm 2016, ông Trần Đại H có quen biết và mua bán thức ăn, thuốc thủy sản với ông Huỳnh Quốc Kh và bà Lý Thị Mỹ L, do tin tưởng nên ông H chỉ giao kết thông qua lời nói mà không lập thành văn bản, mãi đến ngày 24/01/2019, hai bên mới lập hợp đồng mua bán. Bên cạnh đó hai bên giao dịch thông qua sổ giao nhận hàng mang tên “Anh Kh”. Theo thỏa thuận, bắt đầu từ ngày 16/12/2016 ông H bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Kh, bà L. Hàng hóa sẽ được nhân viên của ông H chở đến tận nơi cho ông Kh, bà L hoặc ông Kh, bà L hay người nhà của ông Kh, bà L sẽ đến lấy hàng tại kho của ông H. Ông Kh, bà L sẽ tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi ông H yêu cầu, cuối vụ thu hoạch tôm ông Kh và bà L phải thanh toán hết tiền hàng cho ông H. Trường hợp xét thấy công nợ cao, ông Kh và bà L vẫn không thanh toán tiền hàng, ông H có quyền cắt hàng và đề nghị ông Kh và bà L thanh toán hết tiền hàng còn nợ cho ông H. Thời điểm cắt hàng được xem là thời điểm chấm dứt giao dịch.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã cung cấp hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của ông Kh và bà L. Sau khi nhận hàng ông Kh và bà L không hề phản nản hay có khiếu nại gì về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà ông H đã giao. Mặc dù, ông H thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng, nhưng ông Kh và bà L đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, cụ thể: Đến cuối vụ tôm, ông Kh và bà L không thanh toán hết tiền hàng cho ông H, đến khi công nợ lên đến số tiền là 254.640.500 đồng thì ngày 24/7/2019 phía ông Kh và bà L có trả cho ông H số tiền là 50.000.000 đồng còn lại 204.640.500 đồng thì chỉ ký các bảng đối chiếu công nợ theo yêu cầu của ông H và chỉ hứa hẹn, nhưng không thanh toán tiền thêm cho ông H. Ông H đã nhiều lần cho nhân viên gọi điện và trực tiếp đến nhà yêu cầu ông Kh và bà L trả tiền hàng còn nợ cho ông H, nhưng ông Kh và bà L vẫn không thanh toán tiền cho ông H.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Theo đơn khởi kiện ông H yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Quốc Kh, bà Lý Thị Mỹ L phải cùng có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Đại H số tiền nợ gốc là 204.640.500 đồng và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 10%/năm/204.640.500 đồng tính từ 29/7/2019 đến ngày 20/02/2022 (bao gồm 02 năm 07 tháng 21 ngày) là 54.059.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 258.699.500 đồng đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày Bản án/ Quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết nợ cho ông H. Do quá trình tính toán có sự nhầm lẫn về thời gian và số tiền lãi, nay bà Th đại diện cho ông H xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Quốc Kh, bà Lý Thị Mỹ L phải cùng có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Đại H số tiền nợ gốc là 204.640.500 đồng và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 10%/năm/204.640.500 đồng tính từ 29/7/2019 đến ngày 20/02/2022 (bao gồm 02 năm 06 tháng 22 ngày) là

52.389.742 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 257.030.242 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày Bản án/ Quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết nợ cho ông H.

* Bị đơn là ông Huỳnh Quốc Kh đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, ông Kh không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Kh.

* Bị đơn là bà Lý Thị Mỹ L đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án hợp lệ và được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, bà L không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Huỳnh Quốc Kh và bà Lý Thị Mỹ L là đồng bị đơn trong vụ án, ông Kh và bà L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Kh và bà L.

[1.2] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Trần Đại H thì nguyên đơn có hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản cho bị đơn Huỳnh Quốc Kh và bà Lý Thị Mỹ L nhiều lần và hiện nay ông Kh và bà M còn nợ ông H tổng số tiền gốc là 204.640.500 đồng. Do ông Kh và bà L vi phạm hợp đồng, nên ông H yêu cầu ông Kh và bà L phải hoàn trả tổng số tiền là 204.640.500 đồng và tiền lãi chậm trả. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản theo Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[.3] Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn trình bày do quá trình tính toán có sự nhầm lẫn về thời gian và số tiền lãi, nay bà Th đại diện cho ông H xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Quốc Kh, bà Lý Thị Mỹ L phải cùng có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trần Đại H số tiền nợ gốc là 204.640.500 đồng và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất 10%/năm/204.640.500 đồng tính từ 29/7/2019 đến ngày 20/02/2022 (bao gồm 02 năm 06 tháng 22 ngày) là 52.389.742 đồng, tổng cộng gốc và lãi là

257.030.242 đồng và tiếp tục tính lãi từ ngày Bản án/ Quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết nợ cho ông H. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Huỳnh Quốc Kh và bà Lý Thị Mỹ L phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả tổng số tiền gốc và tiền lãi 257.030.242 đồng và tiền lãi được tính tiếp từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi ông Kh và bà L trả hết nợ cho ông H.

Để chứng minh cho việc ông Huỳnh Quốc Kh và bà Lý Thị Mỹ L có hợp đồng mua thức ăn của ông H, ông H đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ sau: 01 (một) hợp đồng mua bán ngày 24/01/2019; 01 (một) quyển sổ giao nhận hàng; Bảng đối chiếu xác nhận nợ ngày 29/7/2019; Bảng đối chiếu xác nhận nợ ngày 26/9/2018; Bảng đối chiếu xác nhận nợ ngày 24/01/2019; Bảng đối chiếu xác nhận nợ ngày 24/7/2019 và các giấy tờ khác có liên quan. Sau khi nhận được đơn khởi kiện của ông Trần Đại H, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Huỳnh Quốc Kh và bà Lý Thị Mỹ L, nhưng ông Kh và bà L không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H.

- Đối với bị đơn là ông Huỳnh Quốc Kh sau khi nhận được đơn khởi kiện của ông Trần Đại H, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Kh, nhưng ông Kh không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H. Do đó, Hội đồng xét xử xem như ông Kh đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H.

- Đối với bị đơn là bà Lý Thị Mỹ L sau khi nhận được đơn khởi kiện của ông Trần Đại H, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà L, nhưng bà L không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H. Do đó, Hội đồng xét xử xem như bà L đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Minh Th trình bày: Giữa nguyên đơn Trần Đại H và bị đơn là ông Huỳnh Quốc Kh và bà Lý Thị Mỹ L có hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản với nhau từ năm 2016, quá trình mua bán có làm sổ giao nhận hàng, quá trình mua bán diễn ra nhiều lần, đến khi công nợ lên đến số tiền là 254.640.500 đồng thì ngày 24/7/2019 phía ông Kh và bà L có trả cho ông H số tiền là 50.000.000 đồng, còn lại số tiền là 204.640.500 đồng, hai bên có ký bảng đối chiếu xác nhận công nợ, trong đó có nội dung là ông Kh, bà L còn nợ hộ kinh doanh Trường H (do ông Trần Đại H làm đại diện) số tiền là

204.640.500 đồng. Đối với đồng bị đơn là ông Huỳnh Quốc Kh và bà Lý Thị Mỹ L, sau khi nhận được đơn khởi kiện của ông Trần Đại H, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề có gửi thông báo về việc thụ lý vụ án về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Kh, bà L, nhưng ông Kh, bà L không gửi văn bản ghi ý kiến của mình, không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H. Do đó, Hội đồng xét xử xem như ông Kh, bà L đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện ông H không cần phải chứng minh. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Minh Th yêu cầu tính lãi suất của số tiền gốc 204.640.500 đồng và tiền lãi chậm trả tương ứng với lãi suất là 10%/năm (tương ứng 0,833%/tháng) từ ngày 29/7/2019 đến ngày 20/02/2022 DL (là 02 năm 06 tháng 22 ngày) với số tiền là 52.389.742 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 257.030.242 đồng và tiền lãi được tính tiếp từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi ông Kh và bà L trả hết nợ cho ông H. Do ông Kh và bà M vi phạm hợp đồng không trả tiền cho ông H đúng hạn, nên phải chịu phần tiền lãi suất chậm trả và lãi suất được tính như sau: Từ ngày 29/7/2019 đến ngày 20/02/2022 DL là 02 năm 06 tháng 22 ngày. Lãi suất được tính cụ thể là: $204.640.500 \text{ đồng} \times 02 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} \times 0,833\% = 52.389.742 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền gốc và tiền lãi mà ông Kh và bà L phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Trần Đại H là: 204.640.500 đồng + 52.389.742 đồng = 257.030.242 đồng.

Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng nhận thấy: Ông H, ông Kh và bà L có hợp đồng mua bán tài sản với nhau (hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản) từ năm 2016. Do đó, xác định đây là quan hệ hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ông H, ông Kh và bà L là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội tại thời điểm xác lập hợp đồng, nên cần công nhận đây là hợp đồng mua bán tài sản hợp pháp và giải quyết hậu quả phát sinh từ hợp đồng này theo quy định tại các Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 422, Điều 423, Điều 427, Điều 430 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, cần xử buộc ông Huỳnh Quốc Kh và bà Lý Thị Mỹ L phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Trần Đại H tổng số tiền gốc và tiền lãi 257.030.242 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Huỳnh Quốc Kh và bà Lý Thị Mỹ L phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.851.512 đồng. Ông Trần Đại H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Trần Đại H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.970.250 đồng

theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004060 ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 422, Điều 423, Điều 427 và Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 09 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đại H.

Buộc ông Huỳnh Quốc Kh và bà Lý Thị Mỹ L phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Trần Đại H tổng số tiền gốc và tiền lãi là 257.030.242 đồng (*Hai trăm năm mươi bảy triệu không trăm ba mươi nghìn hai trăm bốn mươi đồng*).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 257.030.242 đồng (*Hai trăm năm mươi bảy triệu không trăm ba mươi nghìn hai trăm bốn mươi đồng*) thì hàng tháng ông Kh, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Quốc Kh và bà Lý Thị Mỹ L phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.851.512 đồng (*Mười hai triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm mười hai đồng*). Ông Trần Đại H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Trần Đại H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.970.250 đồng (*Ba triệu chín trăm bảy mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004060 ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Ông Trần Đại H có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đồng bị đơn ông Huỳnh Quốc Kh và bà Lý Thị Mỹ L không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên